

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 8 năm 2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

- T *phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thúc.

2. Bà H Moan Mlô.

Thư ký phiên toà: Ông Thiệu Sỹ Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Ông Từ Quốc Quyền-Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2021/TLST–HNGĐ ngày 25/02/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 06/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đạt H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đạt H, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tình yêu tự nguyện tìm hiểu thương nhau tôi và anh Nguyễn Đình T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh T nghi ngờ lòng chung thủy của tôi, từ đó anh T thường xuyên rượu chè, say sỉn về đánh đập tôi, dẫn đến vợ chồng sống không quan tâm đến nhau, thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 08/8/2000, Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 30/9/2002 và Nguyễn Thành T1, sinh ngày 25/7/2009, khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được nuôi con Nguyễn Thành T1. Còn con chung

Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Mỹ D hiện nay đã đến tuổi thành niên, nên không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 30/6/2021 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ về tình trạng hôn nhân của chị L và anh T như sau: Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì chính quyền địa phương không nắm rõ, chỉ biết anh T hay uống rượu về say xỉn đánh đập chị L và vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã nhau.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án, vi phạm các Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thành T1, sinh ngày 25/7/2009 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Trên 18 tuổi). Đối với 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Mỹ D hiện nay đã thành niên (Trên 18 tuổi), chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản, công nợ: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị L giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đình T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Đình T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Chị L, anh T kết hôn với nhau năm 1999 tại UBND xã Pong Drang, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng cãi vã lẫn nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu được ly hôn anh T cơ bản phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Xét nguyện vọng của chị Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thành T1, sinh ngày 25/7/2009 và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, là phù hợp nên cần chấp nhận. Đối với 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Mỹ D hiện nay đã thành niên (Trên 18 tuổi), chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

-Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

-Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thành T1, sinh ngày 25/7/2009 cho chị Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Trên 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Mỹ D hiện nay đã thành niên (Trên 18 tuổi), chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

-Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

-Về án phí: Chị Trần Thị L chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0018133, ngày 24/02/2021, tại cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường Đạt Hiếu;
- THA DS thị xã;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đinh Thị Hương

